

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016  
*kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>	[2] - [4]
<b>2. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	[5] - [6]
<b>3. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán riêng	[7] - [10]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	[11]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	[12-13]
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	[14] - [40]

## CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiên, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 14 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 07 năm 2015 là 115.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm mười lăm tỷ đồng*) tương đương 11.500.000 cổ phần với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần.

#### 2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
Ông Đỗ Trần Mai	Thành viên
Ông An Hà My	Thành viên

Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Bà Bùi Thị Thanh Nam	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên
Bà Lê Thị Thoa	Thành viên

Thành viên Ban Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Tuấn Kinh	Phó Tổng giám đốc

#### 3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiên, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp. Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kể từ ngày 06/05/2016 Công ty có công ty con như sau:

<b>Tên Công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á Sài Gòn	Địa chỉ: Lô J7 đường số 5, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Theo cam kết góp vốn Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á có tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết đối với Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á Sài Gòn là 90%. Tuy nhiên đến thời điểm ngày 31/12/2016, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết theo vốn thực góp là 94,5%.

Công ty có chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, TT.Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh	89/1B Quốc Lộ 1A, Khu phố 2, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại TP.Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

#### 4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

#### 5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng, ngoài các sự kiện đã được trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.4, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

#### 6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Ban Tổng giám đốc Công ty cũng cho rằng, không còn sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

#### 7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

#### 8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2017

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN VĂN SƠN**



Số: 68 /2017/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2017

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016  
của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á được lập ngày 10 tháng 04 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 40 kèm theo.

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



**Dương Thị Thảo**  
Phó Tổng giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0162-2015-242-1

**Nguyễn Thị Huệ**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2493-2015-242-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Mẫu số B01-DN**

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>113.412.071.271</b>	<b>120.104.307.779</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>57.688.079.823</b>	<b>46.602.422.801</b>
1. Tiền	111		57.688.079.823	46.602.422.801
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>34.117.574.502</b>	<b>40.174.568.293</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	19.081.242.736	24.200.700.368
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	4.237.755.454	3.741.116.983
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	2.608.157.887	4.141.305.991
6. Các khoản phải thu khác	136	5.5	8.782.265.569	8.091.444.951
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.6	(591.847.144)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>19.296.613.435</b>	<b>24.037.628.232</b>
1. Hàng tồn kho	141		19.296.613.435	24.037.628.232
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.309.803.511</b>	<b>9.289.688.453</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	2.233.289.269	9.089.616.987
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		67.490.305	192.071.466
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		9.023.937	8.000.000
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>90.281.577.270</b>	<b>80.786.696.713</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.068.200.000</b>	<b>20.223.200.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	10.068.200.000	20.223.200.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.688.259.646</b>	<b>23.739.784.978</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	19.198.366.834	22.646.752.655
- Nguyên giá	222		37.816.911.232	37.481.874.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.618.544.398)	(14.835.121.361)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	1.453.031.812	1.093.032.323
- Nguyên giá	225		1.712.487.273	1.124.261.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(259.455.461)	(31.229.495)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	36.861.000	-
- Nguyên giá	228		40.212.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.351.000)	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>266.615.778</b>	<b>412.404.379</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	266.615.778	412.404.379
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>52.300.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		43.300.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.000.000.000	36.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.958.501.846</b>	<b>411.307.356</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	6.958.501.846	411.307.356
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>203.693.648.541</b>	<b>200.891.004.492</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B01-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>62.295.429.560</b>	<b>64.745.386.545</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>60.915.064.000</b>	<b>62.964.934.321</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	21.800.087.255	21.573.869.422
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	1.669.167.050	2.971.315.224
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	5.290.994.556	6.398.037.108
4. Phải trả người lao động	314		2.416.973.871	1.091.137.925
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	490.000.000	490.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	1.028.515.564	3.199.468.157
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	27.049.518.923	26.465.815.381
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.169.806.781	775.291.104
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.380.365.560</b>	<b>1.780.452.224</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	117.350.000	117.350.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	1.263.015.560	1.663.102.224
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B01-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>141.398.218.981</b>	<b>136.145.617.947</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.19</b>	141.398.218.981	136.145.617.947
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		41.545.455	41.545.455
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.899.319.177	8.899.319.148
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		15.457.354.349	12.204.753.344
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.457.354.349	12.204.753.344
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>203.693.648.541</b>	<b>200.891.004.492</b>

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Hồng Thái

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hoàng Văn Tuấn

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Mẫu số B02-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	6.1	171.157.012.380	150.425.435.629
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	6.928.092.648	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		164.228.919.732	150.425.435.629
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	97.790.313.122	96.561.403.701
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		66.438.606.610	53.864.031.928
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	146.105.316	36.958.146
7. Chi phí tài chính	22	6.5	2.162.273.929	1.907.787.836
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.162.273.929	1.884.179.810
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	34.401.685.619	27.118.527.966
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	10.618.853.961	8.868.389.471
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		19.401.898.417	16.006.284.801
11. Thu nhập khác	31	6.6	630.271.718	70.181.255
12. Chi phí khác	32	6.7	9.297.364	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	40		620.974.354	70.181.255
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		20.022.872.771	16.076.466.056
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	4.532.702.157	3.525.863.835
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	60		15.490.170.614	12.550.602.221
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.347	1.444
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Hồng Thái

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hoàng Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Sơn



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Theo phương pháp gián tiếp

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>20.022.872.771</b>	<b>16.076.466.056</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.527.036.390	3.513.218.216
- Các khoản dự phòng	03	591.847.144	
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(146.105.316)	36.958.146
- Chi phí lãi vay	06	2.162.273.929	1.884.179.810
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>27.157.924.918</b>	<b>21.510.822.228</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.056.579.704	(1.846.800.101)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.741.014.797	(334.788.454)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.043.970.977)	(3.935.861.110)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	309.133.228	(1.924.914.188)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.155.093.407)	(1.880.442.327)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.380.915.916)	2.177.180.779
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>22.684.672.347</b>	<b>13.765.196.827</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.144.566.918)	(15.596.297.143)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.608.157.887)	(618.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.141.305.991	457.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(25.790.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	37.000.000.000	1.732.645.986
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	116.250.000	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(285.168.814)</b>	<b>(14.024.151.157)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Theo phương pháp gián tiếp

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>20.022.872.771</b>	<b>16.076.466.056</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.527.036.390	3.513.218.216
- Các khoản dự phòng	03	591.847.144	
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(146.105.316)	36.958.146
- Chi phí lãi vay	06	2.162.273.929	1.884.179.810
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>27.157.924.918</b>	<b>21.510.822.228</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.056.579.704	(1.846.800.101)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.741.014.797	(334.788.454)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.043.970.977)	(3.935.861.110)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	309.133.228	(1.924.914.188)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.155.093.407)	(1.880.442.327)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.380.915.916)	2.177.180.779
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>22.684.672.347</b>	<b>13.765.196.827</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.144.566.918)	(15.596.297.143)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.608.157.887)	(618.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.141.305.991	457.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(25.790.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	37.000.000.000	1.732.645.986
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	116.250.000	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(285.168.814)</b>	<b>(14.024.151.157)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

Theo phương pháp gián tiếp

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Đơn vị tính: VND Năm 2015
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		29.300.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	78.025.136.325	75.575.259.018
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(79.017.299.447)	(68.109.849.773)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(530.100.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.791.583.389)	(5.863.209.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(11.313.846.511)</b>	<b>30.902.199.645</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>11.085.657.022</b>	<b>30.643.245.315</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>46.602.422.801</b>	<b>15.959.177.486</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>57.688.079.823</b>	<b>46.602.422.801</b>

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Hồng Thái

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hoàng Văn Tuấn

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Sơn



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20/11/2006, thay đổi lần 09 ngày 14 tháng 07 năm 2015.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các loại sơn, bột bả.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất nước sơn, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất mì ống, mì sợi và các sản phẩm tương tự;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chỉ gồm có: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chỉ gồm có: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ các thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chỉ gồm: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Dịch vụ phụ vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hóa;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hóa;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Mẫu số B09-DN**

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có công ty con: Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á Sài Gòn.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101814871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 07 tháng 03 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 1101814871 cấp ngày 07/03/2016 là 50.000.000.000 đồng. (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn./.)

Trụ sở tại Lô J7, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Đức Hòa Hà, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

Theo đăng ký kinh doanh tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết

	<b>Tỷ lệ sở hữu (%)</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết (%)</b>
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á Sài Gòn	90%	90%

Từ ngày 06/05/2016 Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á Sài Gòn trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á. Đến ngày 31/12/2016, Công ty đã góp 43,3 tỷ đồng vào công ty con chiếm 94,5% vốn góp.

Công ty có chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	89/1B Quốc lộ 1A, khu phố 2, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09-DN

số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3 Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Mẫu số B09-DN**

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.5.1 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15- 20 năm
Phương tiện vận tải	06- 10 năm
Máy móc thiết bị	06- 10 năm
Thiết bị văn phòng	03- 08 năm

**4.5.2 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm	05 năm
----------	--------



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09-DN

**4.6 Các khoản đầu tư tài chính**

Nguyên tắc xác định giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá gốc. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

**4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.8 Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**4.9 Chi phí lãi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

**4.10 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.11 Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09-DN

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.12 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.13 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

**4.14 Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty là 10%.

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

**4.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**4.16 Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Mẫu số B09-DN**

- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.17 Bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 và Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp- kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.6.

**4.18 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

***Lĩnh vực kinh doanh***

Công ty có lĩnh vực sản xuất và kinh doanh: sơn, bột bả, keo chống thấm

***Khu vực địa lý***

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Tiền mặt	4.753.001.339	9.216.697.494
Tiền gửi ngân hàng	52.935.078.484	37.346.725.307
Tiền đang chuyển	-	39.000.000
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>57.688.079.823</b>	<b>46.602.422.801</b>

**5.3 Phải thu khách hàng**

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>19.081.242.736</b>	-	<b>24.200.700.368</b>	-
Phải thu khách hàng (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	53.836.800	-	1.980.609.444	-
<i>Công ty Cổ phần Bất động sản Lanmark-Dự án khu ngoại giao đoàn</i>	53.836.800	-	1.980.609.444	-
Phải thu khách hàng khác	19.027.405.936	(591.847.144)	22.220.090.924	-
<b>Cộng</b>	<b>19.081.242.736</b>	<b>(591.847.144)</b>	<b>24.200.700.368</b>	-
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>				
<b>c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan</b>			-	-

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Viglacera	750.000.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Eco Green Life Việt Nam	1.000.000.000	-
Khách lẻ	1.515.694.632	1.518.994.632
Các công ty khác	972.060.822	1.472.122.351
<b>Cộng</b>	<b>4.237.755.454</b>	<b>3.741.116.983</b>

**5.5 Phải thu về cho vay**

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về cho vay	2.608.157.887		4.141.305.991	-
- Bà Trần Thị Thu Hiền	-	-	1.267.620.000	-
- Bà Trần Thị Lan Anh	-	-	850.000.000	-
- Bà Lê Như Ngọc	-	-	794.900.000	-
- Bà Nguyễn Thị Thùy Linh (1)	350.000.000	-	-	-
- Ông Vũ Văn Luân (2)	400.000.000	-	-	-
- Bà Vũ Thị Tuyết (3)	500.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	1.358.157.887	-	1.228.785.991	-
<b>Cộng</b>	<b>2.608.157.887</b>	-	<b>4.141.305.991</b>	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.5 Phải thu về cho vay (tiếp)**

(1) Theo hợp đồng vay vốn số 03/2016/HĐVV-HSDA ngày 20/09/2016, giữa Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á và bà Nguyễn Thị Thùy Linh số tiền 850.000.000 VND, thời hạn vay 1 năm, lãi suất vay 8%.

(2) Theo hợp đồng vay vốn số 05/2016/HĐVV-HSDA ngày 29/09/2016, giữa Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á và Ông Vũ Văn Luân số tiền 600.000.000 VND, thời hạn vay 1 năm, lãi suất vay 8%.

(3) Theo hợp đồng vay vốn số 06/2016/HĐVV-HSDA ngày 30/11/2016, giữa Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á và bà Vũ Thị Tuyết số tiền 500.000.000 VND, thời hạn vay 1 năm, lãi suất vay 8%.

**5.5 Phải thu khác**

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	8.782.265.569	-	8.091.444.951	-
- Phải thu khác	5.412.570.280	-	1.317.167.734	-
- Tạm ứng (i)	3.369.695.289	-	6.774.277.217	-
b) Dài hạn	10.068.200.000		20.223.200.000	
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký	68.200.000		223.200.000	
- Phải thu khác	10.000.000.000		20.000.000.000	
<i>Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội</i>	-		10.000.000.000	
<i>Công ty CP Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long (ii)</i>	10.000.000.000		10.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>18.850.465.569</b>	<b>-</b>	<b>28.314.644.951</b>	<b>-</b>

(i) Tạm ứng

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Nguyễn Văn Kim	74.469.992	853.800.105
Các đối tượng khác	3.295.225.297	5.920.477.112
<b>Cộng</b>	<b>3.369.695.289</b>	<b>6.774.277.217</b>

(ii) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2014/HDA-NTL ngày 05 tháng 9 năm 2014, Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á đầu tư dự án: Nhà ở chung cư cao tầng kết hợp với dịch vụ thương mại và nhà trẻ do Công ty Cổ phần Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long làm chủ đầu tư, tổng số vốn góp là 10 tỷ đồng tương ứng với 13,33% tổng mức vốn tự có dự kiến đầu tư vào dự án và hưởng lợi nhuận hoặc chịu lỗ từ dự án tương ứng với tỷ lệ vốn góp. Đến ngày 31/12/2016 dự án vẫn trong quá trình xây dựng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09-DN

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc
				Giá trị hợp lý (*)
				Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh				
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	52.300.000.000	-		36.000.000.000
- Đầu tư vào Công ty con	43.300.000.000	-		-
Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á Sài Gòn	43.300.000.000	-		-
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	-	-		-
- Đầu tư khác	9.000.000.000	-		-
Công ty Cổ phần Gold Star Việt Nam-Tỷ lệ sở hữu 18%	9.000.000.000	-		-
Công ty TNHH Creat Capital Việt Nam-Tỷ lệ sở hữu 18%	-	-		-
<b>Cộng</b>	<b>52.300.000.000</b>	<b>-</b>		<b>36.000.000.000</b>

Thuyết minh Báo cáo tài chính là bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.6 Nợ xấu**

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Á Châu G8	192.880.615	96.440.308	192.880.615	192.880.615
Các công ty khác	990.813.672	495.406.836	990.813.672	990.813.672
<b>Cộng</b>	<b>1.183.694.287</b>	<b>591.847.144</b>	<b>1.183.694.287</b>	<b>1.183.694.287</b>

Các khoản nợ xấu của công ty đều quá hạn 1 năm đến 2 năm nên Công ty tiến hành trích lập 50% giá gốc theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính.

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	9.190.602.604	-	7.317.425.210	-
Công cụ, dụng cụ	377.096.390	-	181.842.111	-
Chi phí SXKD dở dang	3.095.469.754	-	3.410.234.119	-
Thành phẩm nhập kho	4.239.747.534	-	4.642.834.417	-
Hàng hóa	2.339.248.431	-	8.430.843.653	-
Hàng gửi bán	54.448.722	-	54.448.722	-
<b>Cộng</b>	<b>19.296.613.435</b>	<b>-</b>	<b>24.037.628.232</b>	<b>-</b>

**5.8 . Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
b) Xây dựng cơ bản dở dang	266.615.778	266.615.778	412.404.379	412.404.379
-Mua sắm TSCĐ	266.615.778	266.615.778	412.404.379	412.404.379
<b>Tổng cộng</b>	<b>266.615.778</b>	<b>266.615.778</b>	<b>412.404.379</b>	<b>412.404.379</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09-DN

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	11.757.372.652	17.984.353.785	7.638.583.942	101.563.637		37.481.874.016
Tăng trong năm	215.730.600	4.141.535.377	1.146.298.182			5.503.564.159
- Mua trong năm		4.141.535.377	1.146.298.182			5.287.833.559
- Đầu tư XDCB hoàn thành	215.730.600					215.730.600
- Tăng khác						
Giảm trong năm		(4.419.371.104)	(749.155.839)			(5.168.526.943)
- Thanh lý, nhượng bán		(4.419.371.104)	(407.272.727)			(407.272.727)
- Giảm khác			(341.883.112)			(4.761.254.216)
Số dư cuối năm	11.973.103.252	26.545.260.266	8.035.726.285	101.563.637		37.816.911.232
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	2.439.713.659	7.100.181.782	5.193.662.283	101.563.637		14.835.121.361
Tăng trong năm	540.184.485	2.769.852.535	973.158.657			4.283.195.677
- Số khấu hao trong năm	540.184.485	2.769.852.535	973.158.657			4.283.195.677
Giảm trong năm	(92.499.913)		(407.272.727)			(499.772.640)
- Thanh lý, nhượng bán			(407.272.727)			(407.272.727)
- Giảm khác	(92.499.913)					(92.499.913)
Số dư cuối năm	2.887.398.231	9.870.034.317	5.759.548.213	101.563.637		18.618.544.398

**III. Giá trị còn lại**

1. Tại ngày đầu năm	9.317.658.993	10.884.172.003	2.444.921.659			22.646.752.655
2. Tại ngày cuối năm	9.085.705.021	16.675.225.949	2.276.178.072			19.198.366.834

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản mang đi thế chấp, cầm cố: 11.526.335.071 đồng
- Đã hết khấu hao đang sử dụng: 10.294.260.222 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

5.10	Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính	Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND
								<b>Cộng</b>
<b>I. Nguyên giá</b>								
	Số dư đầu năm				1.124.261.818			1.124.261.818
	Tăng trong năm				588.225.455			588.225.455
	- <i>Thuê tài chính trong năm</i>				588.225.455			588.225.455
	- <i>Tăng khác</i>							
	Giảm trong năm							
	- <i>Giảm khác</i>							
	Số dư cuối năm				1.712.487.273			1.712.487.273
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>								
	Số dư đầu năm				31.229.495			31.229.495
	Tăng trong năm				243.840.713			243.840.713
	- <i>Số khấu hao trong năm</i>				243.840.713			243.840.713
	- <i>Tăng khác</i>							
	Giảm trong năm				(15.614.747)			(15.614.747)
	- <i>Giảm khác</i>				(15.614.747)			(15.614.747)
	Số dư cuối năm				259.455.461			259.455.461
<b>III. Giá trị còn lại</b>								
	1. Tại ngày đầu năm				1.093.032.323			1.093.032.323
	2. Tại ngày cuối năm				1.453.031.812			1.453.031.812



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm		-		-
- Mua trong năm	-	40.212.000		40.212.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	40.212.000	-	40.212.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm				-
- Số khấu hao trong năm		3.351.000		3.351.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	3.351.000	-	3.351.000
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	36.861.000	-	36.861.000

**5.12 Chi phí trả trước**

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
a) Ngắn hạn	2.233.289.269	9.089.616.987
- Chi phí quảng cáo	320.463.494	6.035.897.914
- Chi phí đồng phục	185.114.000	216.697.500
- Các khoản khác	1.727.711.775	2.837.021.573
b) Dài hạn	6.958.501.846	411.307.356
- Chi phí quảng cáo	5.622.690.933	-
- Chi phí li xăng nhãn hiệu hàng hóa	86.619.212	284.603.396
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.249.191.701	126.703.960
<b>Cộng</b>	<b>9.191.791.115</b>	<b>9.500.924.343</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG SƠN ĐỒNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09-DN

**5.13 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2016		01/01/2016		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm		Giá trị
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>27.049.518.923</b>	<b>27.049.518.923</b>	<b>78.025.136.325</b>	<b>77.441.432.783</b>	<b>26.465.815.381</b>	<b>26.465.815.381</b>
Vay ngân hàng VND	27.049.518.923	27.049.518.923	78.025.136.325	77.441.432.783	26.465.815.381	26.465.815.381
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	10.109.048.931	10.109.048.931	25.263.461.360	23.103.351.519	7.948.939.090	7.948.939.090
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (ii)	3.669.667.987	3.669.667.987	12.025.591.520	11.883.130.188	3.527.206.655	3.527.206.655
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iii)	13.270.802.005	13.270.802.005	40.736.083.445	42.454.951.076	14.989.669.636	14.989.669.636
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>1.263.015.560</b>	<b>1.263.015.560</b>	<b>645.680.000</b>	<b>1.045.766.664</b>	<b>1.663.102.224</b>	<b>1.663.102.224</b>
Vay ngân hàng	1.263.015.560	1.263.015.560	645.680.000	1.045.766.664	1.663.102.224	1.663.102.224
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iv)	115.555.560	115.555.560	-	339.866.664	455.422.224	455.422.224
Ngân hàng TMCP Quân đội (v)	67.000.000	67.000.000	-	175.800.000	242.800.000	242.800.000
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương VN (vi)	1.080.460.000	1.080.460.000	645.680.000	530.100.000	964.880.000	964.880.000
<b>Cộng</b>	<b>28.312.534.483</b>	<b>28.312.534.483</b>	<b>78.670.816.325</b>	<b>78.487.199.447</b>	<b>28.128.917.605</b>	<b>28.128.917.605</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.13 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

(i) Hợp đồng tín dụng số 2016/4729252/HĐTDHM ngày 17 tháng 6 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Quang Trung, Hà Nội, hạn mức tín dụng là 15 tỷ đồng, thời hạn vay không quá 06 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(ii) Hợp đồng tín dụng số 214/2016-HĐTDHM/NHCT131-HAD ngày 30 tháng 9 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh Đông Hà Nội, hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, thời hạn vay không quá 06 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(iii) Hợp đồng tín dụng số SHBVN/2012/0057 ngày 16 tháng 11 năm 2015 vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, chi nhánh Trần Duy Hưng với hạn mức tín dụng là 4.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá sáu tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(iv) Hợp đồng tín dụng số 01/2014/472252/HĐTDTH ngày 29 tháng 4 năm 2014 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Quang Trung, Hà Nội, hạn mức tín dụng là 350.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm, mục đích vay để mua sắm tài sản cố định.

(iv) Hợp đồng tín dụng số 01/2015/4729252/HĐTD ngày 21 tháng 4 năm 2015 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Quang Trung, Hà Nội, hạn mức tín dụng là 260.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm cụ thể, mục đích vay để mua sắm tài sản cố định.

(v) Hợp đồng tín dụng số 629.14.081.1978415.TD ngày 03 tháng 7 năm 2014 vay Ngân hàng TMCP Quân đội, chi nhánh Hoàn Kiếm, Hà Nội, hạn mức tín dụng là 400.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm cụ thể, mục đích vay để mua sắm tài sản cố định.

(v) Hợp đồng tín dụng số 630.14.081.1978415 ngày 24 tháng 7 năm 2014 vay Ngân hàng TMCP Quân đội, chi nhánh Hoàn Kiếm, Hà Nội, hạn mức tín dụng 148.000.000 đồng, thời hạn vay tối đa 24 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm, mục đích vay để mua sắm tài sản cố định.

(vi) Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.075/2015/TSC-CTTC ngày 30 tháng 10 năm 2015 vay Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 992.480.000 đồng, thời hạn cho thuê tối đa 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

(vi) Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.044/2016/TSC-CTTC ngày 29 tháng 7 năm 2016 vay Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 645.680.000 đồng, thời hạn cho thuê tối đa 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

**5.14 Phải trả người bán**

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>21.800.087.255</b>	<b>21.800.087.255</b>	<b>21.573.869.422</b>	<b>21.573.869.422</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	11.020.265.818	8.734.539.652	10.305.611.664	10.166.618.735
<i>Công ty TNHH Connell Bros</i>	6.555.986.652	6.555.986.652	7.240.095.658	7.240.095.658
<i>Công ty TNHH Thương mại và Hóa chất HD</i>	2.178.550.000	2.178.550.000	600.000.000	600.000.000
<i>Công ty Cổ phần Tự động hóa Tấn Đức</i>	3.000	3.000	2.326.523.077	2.326.523.077
<i>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Sơn</i>	2.285.726.166	2.285.726.166	138.992.929	138.992.929
Các khoản phải trả người bán khác	10.779.821.437	13.065.547.603	11.268.257.758	11.407.250.687
<b>Cộng</b>	<b>21.800.087.255</b>	<b>21.800.087.255</b>	<b>21.573.869.422</b>	<b>21.573.869.422</b>
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.14 Phải trả người bán (Tiếp theo)**

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
- Công ty Quảng cáo Maxsum	80.595.191	80.595.191	80.595.191	80.595.191
- Công ty TNHH Lê Gia Việt Nam	87.165.306	87.165.306	87.165.306	87.165.306
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đông Tiến tại Hà Nội	106.667.323	106.667.323	106.667.323	106.667.323
- Các đối tượng khác	278.908.007	278.908.007	278.908.007	278.908.007
<b>Cộng</b>	<b>553.335.827</b>	<b>553.335.827</b>	<b>553.335.827</b>	<b>553.335.827</b>
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á Sài Gòn	178.671.097	178.671.097	-	-
<b>Cộng</b>	<b>178.671.097</b>	<b>178.671.097</b>	-	-

**5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Đại lý Quốc Thư	4.363.543	187.666.594
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Sơn	346.862.055	305.817.074
Đại lý Tiến Nga	3.470.364	205.487.621
Công ty TNHH Thái Hòa	238.837.528	6.550.693
Các đối tượng khác	1.075.633.560	2.265.793.242
<b>Cộng</b>	<b>1.669.167.050</b>	<b>2.971.315.224</b>

**5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

a) Phải nộp	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
- Thuế GTGT	2.104.005.901	3.002.301.497	4.309.661.908	796.645.490
- Thuế TNDN	4.169.946.008	4.532.702.157	4.380.915.916	4.321.732.249
- Thuế TNCN	124.085.199	650.767.178	602.235.560	172.616.817
- Các loại thuế khác		5.000.000	5.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>6.398.037.108</b>	<b>8.190.770.832</b>	<b>9.297.813.384</b>	<b>5.290.994.556</b>

**b) Phải thu**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.17 Chi phí phải trả**

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>490.000.000</b>	<b>490.000.000</b>
- Trích trước chi phí kiểm toán	70.000.000	70.000.000
- Chi phí thuê nhà xưởng	420.000.000	420.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>490.000.000</b>	<b>490.000.000</b>

**5.18 Các khoản phải trả khác**

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
- Kinh phí công đoàn	225.788.657	350.593.711
- Bảo hiểm xã hội	397.872.227	1.045.589.822
- Bảo hiểm y tế	19.423.013	1.044.215
- Phải trả, phải nộp khác	385.431.667	1.266.531.767
- Nhận ký quỹ, ký cược	-	535.708.642
<b>Cộng</b>	<b>1.028.515.564</b>	<b>3.199.468.157</b>

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09-DN

**5.19 Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>29.700.000.000</b>		<b>252.000.000</b>	<b>5.535.312.571</b>		<b>6.987.325.777</b>	<b>42.474.638.348</b>
Tăng vốn năm trước	85.300.000.000						85.300.000.000
Lãi trong năm trước				3.364.006.578		12.550.602.221	12.550.602.221
Tăng khác							3.364.006.578
Giảm vốn trong năm trước							
<i>Trích lập các quỹ</i>							
Lỗ trong năm trước			(210.454.545)			(3.992.845.792)	(4.203.300.337)
Giảm khác						(3.340.328.862)	(3.340.328.862)
Phân phối lợi nhuận							
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>115.000.000.000</b>		<b>41.545.455</b>	<b>8.899.319.149</b>		<b>12.204.753.344</b>	<b>136.145.617.948</b>
Tăng vốn trong năm nay							
Lãi trong năm nay				2.000.000.028		15.490.170.614	15.490.170.614
Tăng khác							2.000.000.028
<i>Trích lập các quỹ</i>							
Giảm vốn trong năm nay						(2.394.515.705)	(2.394.515.705)
<i>Trích lập các quỹ (*)</i>						(2.394.515.705)	(2.394.515.705)
Lỗ trong năm nay							
Giảm khác (*)						(643.053.904)	(643.053.904)
Phân phối lợi nhuận (*)						(9.200.000.000)	(9.200.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>115.000.000.000</b>		<b>41.545.455</b>	<b>10.899.319.177</b>		<b>15.457.354.349</b>	<b>141.398.218.981</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHCD ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Đại Hội đồng cổ đông.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Vốn góp của công ty mẹ		
Vốn góp của các đối tượng khác	115.000.000.000	115.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>115.000.000.000</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	115.000.000.000	29.700.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		85.300.000.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	115.000.000.000	115.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.200.000.000	3.340.328.862

**Cổ phiếu**

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>11.500.000</b>	<b>11.500.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	11.500.000	11.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	11.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>11.500.000</b>	<b>11.500.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	11.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế	15.490.170.614	12.550.602.221
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	11.500.000	8.692.192
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.347</b>	<b>1.444</b>

**Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	10.899.319.177	8.899.319.148
Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.899.319.177</b>	<b>8.899.319.148</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh sơn	151.222.959.384	132.615.064.051
- Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh bột bả	10.348.152.968	8.122.973.524
- Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	9.585.900.028	9.687.398.054
<b>Cộng</b>	<b>171.157.012.380</b>	<b>150.425.435.629</b>
<b>Doanh thu các bên liên quan</b>		-
Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á Sài Gòn	1.972.564.752	
<b>Cộng</b>	<b>1.972.564.752</b>	-
<b>Doanh thu ghi nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản</b>		

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Hàng bán bị trả lại	6.928.092.648	-
<b>Cộng</b>	<b>6.928.092.648</b>	-

**6.3 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh sơn	86.319.793.765	84.993.347.538
- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh bột bả	5.880.013.322	5.310.877.204
- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	5.590.506.035	6.257.178.960
<b>Cộng</b>	<b>97.790.313.122</b>	<b>96.561.403.701</b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Lãi tiền gửi, cho vay	146.105.316	36.958.146
<b>Cộng</b>	<b>146.105.316</b>	<b>36.958.146</b>

**6.5 Chi phí tài chính**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Lãi tiền vay	2.162.273.929	1.884.179.810
Lỗ chênh lệch tỷ giá		23.608.026
Chi phí tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>2.162.273.929</b>	<b>1.907.787.836</b>

**6.6 Thu nhập khác**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Các khoản thu từ thanh lý TSCĐ	27.272.727	-
Các khoản thu từ phạt vi phạm	12.670.550	70.181.255
Các khoản thu nhập từ nợ phải trả	590.328.441	-
<b>Cộng</b>	<b>630.271.718</b>	<b>70.181.255</b>

**6.7 Chi phí khác**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Các khoản chi phí khác	9.297.364	-
<b>Cộng</b>	<b>9.297.364</b>	-

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**6.8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp:</b>	<b>10.618.853.961</b>	<b>8.868.389.471</b>
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	10.132.896.501	4.291.471.532
<i>Chi phí nhân công quản lý</i>	<i>8.577.572.380</i>	<i>3.585.593.839</i>
<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	<i>1.555.324.121</i>	<i>705.877.693</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	485.957.460	4.576.917.939
<b>Các khoản chi phí bán hàng:</b>	<b>34.401.685.619</b>	<b>27.118.527.966</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	16.880.669.405	16.365.168.991
+ <i>Chi phí nhân công</i>	<i>8.709.891.774</i>	<i>10.879.246.028</i>
+ <i>Chi phí quản cáo</i>	<i>8.170.777.631</i>	<i>5.485.922.963</i>
- Chi phí bán hàng khác	17.521.016.214	10.753.358.975
<b>Cộng</b>	<b>45.020.539.580</b>	<b>35.986.917.437</b>

**Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng**

Hoàn nhập dự phòng bảo hành  
Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác  
Các khoản ghi giảm khác

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.551.764.168	77.633.276.328
Chi phí nhân công	10.119.184.599	18.666.439.123
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.312.551.322	3.481.988.721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.847.521.810	19.079.725.061
Chi phí bằng tiền khác	3.500.872.813	3.835.205.692
<b>Cộng</b>	<b>129.331.894.712</b>	<b>122.696.634.925</b>

**6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.022.872.771	16.076.466.056
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.640.638.012	
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế		
Thu nhập chịu thuế 22%	-	15.528.531.169
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Thu nhập chịu thuế 20%	22.663.510.783	547.934.887
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.532.702.157</b>	<b>3.525.863.835</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**(i) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

**(ii) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**(iii) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**8.1 Công cụ tài chính (tiếp)**

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Ngày 31/12/2016</b>			
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.688.079.823		57.688.079.823
Phải thu khách hàng	19.081.242.736		19.081.242.736
Đầu tư	2.608.157.887	62.300.000.000	64.908.157.887
Phải thu khác	8.782.265.569	68.200.000	8.850.465.569
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi			
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư			
<b>Tổng cộng</b>	<b>88.159.746.015</b>	<b>62.368.200.000</b>	<b>150.527.946.015</b>
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Các khoản vay và nợ	27.049.518.923	1.263.015.560	27.049.518.923
Phải trả người bán	21.800.087.255		21.800.087.255
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	1.028.515.564	117.350.000	1.145.865.564
<b>Tổng cộng</b>	<b>49.878.121.742</b>	<b>1.380.365.560</b>	<b>49.995.471.742</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>38.281.624.273</b>	<b>60.987.834.440</b>	<b>100.532.474.273</b>
	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Ngày 01/01/2016</b>			
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.602.422.801		46.602.422.801
Phải thu khách hàng	24.200.700.368		24.200.700.368
Đầu tư	4.141.305.991	56.000.000.000	60.141.305.991
Phải thu khác	8.091.444.951	223.200.000	8.314.644.951
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi			
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư			
<b>Tổng cộng</b>	<b>83.035.874.111</b>	<b>56.223.200.000</b>	<b>139.259.074.111</b>
<b>Ngày 01/01/2016</b>			
Các khoản vay và nợ	26.465.815.381	1.663.102.224	26.465.815.381
Phải trả người bán	21.573.869.422		21.573.869.422
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	3.199.468.157	117.350.000	3.199.468.157
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.239.152.960</b>	<b>1.780.452.224</b>	<b>51.239.152.960</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>31.796.721.151</b>	<b>54.442.747.776</b>	<b>88.019.921.151</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09-DN

## (iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VND
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016	
<b>Tài sản tài chính</b>					
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn					
Các khoản cho vay và phải thu	2.608.157.887	4.141.305.991	2.608.157.887	4.141.305.991	
<i>Phải thu khách hàng và phải thu khác</i>	27.863.508.305	32.292.145.319	27.863.508.305	32.292.145.319	
<i>Tài sản tài chính khác</i>					
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán					
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	57.688.079.823	46.602.422.801	57.688.079.823	46.602.422.801	
<b>Tổng cộng</b>	<b>88.159.746.015</b>	<b>83.035.874.111</b>	<b>88.159.746.015</b>	<b>83.035.874.111</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Nợ phải trả tài chính					
<i>Vay và nợ</i>	28.312.534.483	28.128.917.605	28.312.534.483	28.128.917.605	
<i>Phải trả người bán</i>	21.800.087.255	21.573.869.422	21.800.087.255	21.573.869.422	
<i>Phải trả khác</i>	1.028.515.564	3.199.468.157	1.028.515.564	3.199.468.157	
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.141.137.302</b>	<b>52.902.255.184</b>	<b>51.141.137.302</b>	<b>52.902.255.184</b>	

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2016 và ngày 01/01/2016. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Mẫu số B 09-DN****8.2 Báo cáo bộ phận**

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: sơn, bột bả, keo chống thấm. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

**Năm 2016**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Sơn	Bột bả	Keo chống thấm	Tổng cộng
Doanh thu	151.222.959.384	10.348.152.968	9.585.900.028	171.157.012.380
Các khoản giảm trừ doanh thu	6.928.092.648	-	-	6.928.092.648
Giá vốn hàng bán	86.319.793.765	5.880.013.322	5.590.506.035	97.790.313.122
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>57.975.072.971</b>	<b>4.468.139.646</b>	<b>3.995.393.993</b>	<b>66.438.606.610</b>

**Năm 2015**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Sơn	Bột bả	Keo chống thấm	Tổng cộng
Doanh thu	132.615.064.051	8.122.973.524	9.687.398.054	150.425.435.629
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	84.993.347.538	5.310.877.204	6.257.178.960	96.561.403.701
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>47.621.716.513</b>	<b>2.812.096.320</b>	<b>3.430.219.094</b>	<b>53.864.031.928</b>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Sơn	Bột bả	Keo chống thấm	Tổng cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	37.652.321.785	2.576.539.879	2.386.749.961	42.615.611.625
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				161.078.036.916
<b>Tổng tài sản</b>				<b>203.693.648.541</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	20.690.494.595	1.267.339.732	1.314.430.080	23.469.254.305
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				43.744.732.594
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>61.767.301.957</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Mẫu số B 09-DN**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau (tiếp):

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Sơ	Bộ	Keo	Tổng
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.038.602.526	30.062.112.926	3.347.476.295	51.979.445.583
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				148.872.558.909
<b>Tổng tài sản</b>				<b>200.852.004.492</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.125.649.388	16.897.482.091	1.580.709.891	24.545.184.646
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				40.200.201.899
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>64.745.386.545</b>

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại thị trường trong nước tại miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng khu vực như sau:

**Năm 2016**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	134.723.876.594	13.206.506.768	23.226.629.018	171.157.012.380

**Năm 2015**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	111.697.483.707	12.419.735.121	26.308.216.801	150.425.435.629



**CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104 ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p. Nhân Chính, q. Thanh Xuân, tp Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****Mẫu B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**8.3 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Theo Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐQT ngày 29/ 2/2016, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á Sài Gòn. Đến ngày 31/12/2016 Công ty đã góp 43,3 tỷ đồng chiếm 94,5% vốn góp.

**8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm****8.6 Thông tin về các bên liên quan**Các bên liên quan:

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa điểm	Quan hệ
Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á Sài Gòn	Lô J7 đường số 5, khu công nghiệp Hải sơn, xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Công ty con
Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà nội	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan:

Trong năm tài chính các giao dịch của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Số tiền VND
Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á Sài Gòn	Bán hàng	2.169.821.227
	Thu tiền hàng	2.169.821.227
	Mua hàng	422.279.739
	Thanh toán tiền hàng	243.608.642
Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	Thu lại tiền đầu tư	27.000.000.000

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Số tiền VND
Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á Sài Gòn	Phải thu khách hàng	-

Thu nhập của các thành viên của HĐQT và Ban Tổng giám đốc:

	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
Lương thưởng của Ban Tổng giám đốc	665.695.638	534.142.824
Thù lao và thưởng của HĐQT	610.237.667	349.366.289

**8.6 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

**8.7 Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8.8 Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trong yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Hồng Thái

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Hoàng Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Sơn